

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 7 - 2025

Về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Liên.

2. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 193/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị Minh H, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trương C, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số B đường N, tổ dân phố F, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thái Thị Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương C tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, đã tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyển số 01.08 ngày 05/11/2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống cùng gia đình chồng tại thôn V, xã P, huyện N. Thời gian này bà đang công tác tại Trường M, huyện T nên bà ở lại nhà tập thể dành cho giáo viên, cuối tuần mới về nhà chồng. Đến cuối tháng 6 năm 2010, sau khi sinh con gái Trương Thực U thì bà không còn ở nhà tập thể mà chuyển về ở cùng gia đình chồng. Quá trình sống chung, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân:

- Do bất đồng quan điểm sống: Vì bản tính hiền lành nên công việc làm ăn và nguồn thu nhập cá nhân của ông C đều do gia đình bên chồng quản lý (mẹ chồng và em chồng), bản thân bà không được biết (đưa bao nhiêu tiền chi tiêu và khoảng cách thời gian bao lâu thì tùy thuộc vào gia đình chồng).

- Ông C không làm chủ được cuộc sống của gia đình riêng, mọi việc phải tùy vào sự quyết định của gia đình bên chồng: Tháng 2 năm 2013, do mâu thuẫn với gia đình chồng (mẹ chồng đuổi hai mẹ con bà ra khỏi nhà) nên bà đã thuê nhà trọ để 02 mẹ con sinh sống. Trong khoảng thời gian hơn 04 năm chỉ có bà và cháu U sinh sống ở nhà trọ. Ông C vẫn sinh sống cùng gia đình tại thôn V, xã P, huyện N. Vì cháu U còn quá nhỏ nên bà vẫn chấp nhận và cố giữ mối quan hệ vợ chồng để tránh làm tổn thương cho con. Cuộc sống của bà và cháu U chủ yếu dựa vào nguồn thu nhập cá nhân bà. Đến tháng 12 năm 2017, vợ chồng bà có mua lại căn nhà hiện tại (số B N, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) từ em chồng.

- Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019: Vì con nên bà đã nhiều lần cố gắng hòa giải, cải thiện mối quan hệ nhưng không thành. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc nhau, sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Cuộc sống hằng ngày cũng như mỗi khi tết đến, hai mẹ con bà tự lo mọi việc trong gia đình (mua sắm, cúng ngày tết,...). Còn ông C sống như 01 người khách ở trọ, tối về nhà ngủ đến sáng ngày hôm sau đi lại, cuộc sống của bà chẳng khác nào như “người mẹ đơn thân”. Hơn 05 năm qua, bà đã chuẩn bị tâm lý cho con gái về cuộc sống hôn nhân giữa cha và mẹ. Chuyện gia đình, bà và con hạn chế cho mọi người xung quanh biết, chỉ có gia đình hai bên, những người bạn, đồng nghiệp thân thiết quan tâm, hỗ trợ về tinh thần lẫn vật chất cho hai mẹ con thì mới biết rõ về tình trạng hôn nhân của bà. Hiện tại, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trương Chấn .

Về con chung: Bà và ông Trương C có 01 con chung tên Trương Thực U, sinh ngày 17/11/2009. Khi ly hôn, bà có yêu cầu được nuôi cháu U và không yêu cầu ông Trương C cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, bà làm việc tại Hội đồng nhân dân xã N, tỉnh Khánh Hòa thu nhập hàng tháng khoảng 11.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trương C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Thái Thị Minh H tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N vào năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống tại cha mẹ ông tại xã P, cuộc sống hôn nhân diễn ra bình thường. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng ông chuyển về sống tại nhà riêng ở số B đường N, phường Đ. Ông và bà H vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân được khoảng 02 – 03 năm. Hằng ngày, vợ chồng không trao đổi, nói chuyện, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, mệnh ai nấy sống. Nay bà H yêu cầu được ly hôn, ông không đồng ý với yêu cầu này của bà H

vì việc ông và bà H sống ly thân là mâu thuẫn bình thường trong quan hệ vợ chồng, ông không có hành vi bạo lực gì đối với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Thực U, sinh ngày 17/11/2009. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, ông đồng ý giao cháu U cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Thái Thị Minh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn ông Trương Chấn . Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trương C có địa chỉ cư trú ở phường Đ, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp hôn nhân: Bà Thái Thị Minh H và ông Trương C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyển số 01.08 ngày 05/11/2008, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Thái Thị Minh H xin ly hôn với ông Trương C với lý do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông C không làm chủ được cuộc sống gia đình, mọi việc phải tùy vào sự quyết định của gia đình bên chồng, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019. Nay bà đã không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông C.

Ông C thừa nhận lời trình bày của bà H về việc vợ chồng sống ly thân là đúng. Hằng ngày, vợ chồng ông không trao đổi, nói chuyện, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, mệnh ai nấy sống. Tuy nhiên ông không đồng ý với yêu

cầu ly hôn của bà H vì ông không rõ nguyên nhân bà H xin ly hôn, việc ông và bà H ly thân là mâu thuẫn bình thường trong quan hệ vợ chồng, ông không có hành vi bạo lực gì đối với bà H.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 7 năm 2025, bà Văn Thị Minh T cho biết: Bà là hàng xóm sống gần nhà bà H, ông C. Trong cuộc sống hàng ngày, bà không biết bà H, ông C có mâu thuẫn gì không nhưng bà H, ông C thường không đi cùng nhau. Khi sang nhà chơi thì bà thấy bà H, ông C không nói chuyện với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Từ khi chuyển về sinh sống tại gần nhà bà từ cuối năm 2017 đến nay thì bà thấy tình trạng hôn nhân của bà H và ông C diễn ra như vậy. Khi bà và bà H nói chuyện thì bà H có tâm sự cuộc sống hôn nhân của bà H và ông C không hạnh phúc, mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân nhiều năm, mệnh ai nấy sống, không nói chuyện, không quan tâm đến nhau.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 7 năm 2025, bà Đặng Thị H1 cho biết: Bà là mẹ ruột của bà H. Bà H, ông C kết hôn năm 2008, thời gian đầu vợ chồng bà H sống hạnh phúc. Một thời gian sau, bà H có mâu thuẫn với gia đình bên chồng và thuê trọ ra ở riêng. Khoảng năm 2017, bà H ông C mua nhà và sống tại số B đường N. Tuy nhiên, bà H có tâm sự với bà về việc cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng sống chung nhà nhưng đã ly thân, mỗi người một phòng. Bà có chứng kiến việc vợ chồng bà H không giao tiếp, nói chuyện với nhau, không ăn cơm chung. Bà H đi làm từ sáng đến chiều mới về nhà, buổi trưa cháu U ở nhà ăn cơm chung với ba, đến chiều bà H về thì hai mẹ con nấu ăn hoặc ra ngoài ăn riêng, ông C nấu ăn riêng hoặc qua nhà mẹ ruột để ăn cơm. Khoảng 05 – 06 năm gần đây, vào dịp lễ tết hay khi gia đình bên vợ có công việc, ông C cũng không đến, không qua lại với gia đình bên vợ.

Căn cứ lời trình bày của các bên cũng như lời khai của người làm chứng, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng bà H và ông C đã có thời gian dài sống ly thân, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có sự thấu hiểu, quan tâm, chăm sóc nhau. Khi bà H nộp đơn ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết, ông C đã nhận được thông báo nhưng có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa bà H và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Thực U, sinh ngày 17/11/2009. Cháu U có nguyện vọng được ở với mẹ, bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, ông C đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng. Bà H có nghề nghiệp, có thu nhập đủ khả năng nuôi con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cháu Trương Thực U, sinh ngày 17/11/2009 cho bà Thái Thị Minh H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trương C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Thái Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Minh H.

1. Về hôn nhân: Bà Thái Thị Minh H được ly hôn với ông Trương Chấn .
2. Về con chung: Giao cho bà Thái Thị Minh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Trương Thực U, sinh ngày 17/11/2009.

Ông Trương C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Thái Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001149 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Khánh Hòa). Bà Thái Thị Minh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Ninh Phước;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Dung

